TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **54**/2024/QĐST-HNGĐ	*Hàm Yên, ngày 13 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 330/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa:

* *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn C, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Thôn 3 Tân Yên, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Chị Tướng Thị Lan H, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Thôn 3 Tân Yên, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn C và chị Tướng Thị Lan H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 20 tháng 7 năm 2004 cho anh Trần Văn C và chị Tướng Thị Lan H không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Trần Xuân D, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2008 cho anh Trần Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Tướng Thị

Lan H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh C chưa có yêu cầu. Chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2004, là con chung của anh C và Chị H. Các đương sự xác định cháu Lan A đã trên 18 tuổi, có năng lực nhận thức, có khả năng lao động và sống tự lập, nên không đề nghị giải quyết về phần nuôi con chung đối với cháu Lan A.

Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản, đất đai chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Văn C tự nguyện nhận chịu án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000499, ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang *(nộp qua Cổng dịch vụ công Quốc gia ngày 20 tháng 12 năm 2023)*. Trả lại cho anh C số tiền chênh lệch 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Chị Tướng Thị Lan H không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền